

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21/01/2019

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH LONG AN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng

Các hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Văn Nhị

2/ Ông Nguyễn Ngọc Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X: Ông Phạm Văn Lương – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 267/2018/TLST-HNGĐ, ngày 03/12/2018 về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 19/12/2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp 1, xã NT, huyện X, tỉnh Long An.

* Bị đơn: Ông **Lê Nhựt T**, sinh năm 1990. Địa chỉ: ấp 5, xã TT, huyện X, tỉnh Long An.

(Bà H có mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 26/9/2018 và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Bà và ông T kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn ngày 28/9/2011 tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện X. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông T có hành vi bạo lực đối với bà. Vợ chồng bà đã ly thân từ tháng 03/2018 đến nay. Do không thể hàn gắn được mối quan hệ hôn nhân này, nên bà kiên quyết xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Nhựt Quốc V, sinh ngày 13/5/2013 đang sống chung với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Lê Nhựt T trình bày trong biên bản lấy lời khai ngày 04/10/2018 và trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Ông còn thương bà H nhưng bà H có lỗi ông không chấp nhận được và không thể nói ra. Ông không đồng ý ly hôn vì bà H không chia tài sản chung cho ông. Tài sản chung của ông với bà H là căn nhà tường và vàng nhưng ông không nhớ cụ thể số vàng là bao nhiêu, xe honda hiệu Sirius do bà H đứng tên. Do ông không có tiền để đóng lệ phí nên chưa yêu cầu chia tài sản chung trong vụ án này.

Về con chung: Ông và bà H có 01 con chung tên Lê Nhựt Quốc V, sinh ngày 13/5/2013. Ông đồng ý để bà H nuôi dưỡng, chăm sóc nhưng không cấp dưỡng nuôi con.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng được thực hiện theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và tổ chức các buổi hòa giải, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không được, do ông T có đến tòa nhưng không đồng ý ký tên vào các biên bản làm việc và bỏ ra về.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Ngọc H nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lê Nhựt T. Ông Lê Nhựt T đang cư trú tại ấp 5, xã TT, huyện X, tỉnh Long An, nên Tòa án nhân dân huyện X thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28 và Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Lê Nhựt T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử, nhưng vẫn không tham gia phiên tòa sơ thẩm là từ bỏ quyền lợi của mình, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn ngày 28/9/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thành, huyện X. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng bà H đã ly thân từ tháng 3/2018 đến nay.

Xét thấy từ khi vụ án được thụ lý cho đến nay, ông T cho rằng còn thương bà H, nhưng không có bất kỳ giải pháp nào để hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này. Lý do ông T không đồng ý ly hôn với bà H là do bà H không chia tài sản

chung của vợ chồng cho ông. Bà H kiên quyết xin ly hôn và xác định không còn tình cảm với ông T.

Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa bà H, ông T là trầm trọng nên yêu cầu xin ly hôn của bà H phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên có cơ sở chấp nhận.

Về nuôi con chung: Bà H và ông T có 01 con chung tên Lê Nhựt Quốc V, sinh ngày 13/5/2013. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T cũng đồng ý giao cháu Vinh cho bà H nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Vinh đang sống chung với bà H. Bà H có công việc ổn định đủ điều kiện nuôi con. Để đảm bảo ổn định cuộc sống, tránh việc thay đổi hoàn cảnh sống làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý của cháu Vinh, nên yêu cầu được nuôi con chung của bà H có căn cứ chấp nhận. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng ông T được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, thì một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Không ai yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T cho rằng tài sản chung của ông với bà H là căn nhà tường và vàng, nhưng ông không nhớ cụ thể số vàng là bao nhiêu, 01 xe honda hiệu Sirius do bà H đứng tên. Khi ly hôn với bà H, ông không có tiền để đóng lệ phí do đó chưa yêu cầu chia tài sản chung nên không khởi kiện. Trong các buổi làm việc, ông T cho rằng Tòa án không giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng cho ông khi giải quyết ly hôn là thiệt thòi đến quyền lợi của ông.

Xét thấy cho đến nay, dù đã được Tòa án hướng dẫn, giải thích là nếu ông T có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng thì phải nộp đơn phản tố và xác định tài sản chung cụ thể gồm những gì, yêu cầu chia như thế nào nhưng ông T không nộp đơn khởi kiện để được xem xét theo quy định pháp luật, không ký tên vào tất cả các văn bản tố tụng của tòa. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có tranh chấp, ông T, bà H có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Từ các phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ chấp nhận toàn bộ như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X.

[3] Về án phí: Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, bà H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H đối với ông Lê Nhựt T về việc ly hôn.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với ông Lê Nhựt T.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Lê Nhựt Quốc V, sinh ngày 13/5/2013 cho bà Nguyễn Thị Ngọc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Lê Nhựt T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Nguyễn Thị Ngọc H không yêu cầu.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng ông Lê Nhựt T được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, thì một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003971, ngày 19/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị Ngọc H không phải nộp thêm. Ông Lê Nhựt T không phải chịu án phí.

4/ Án xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Ngọc H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Nhựt T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Long An;
- Chi cục THA huyện X;
- VKSND huyện X;
- Các đương sự;
- UBND xã TT;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Thị Mỹ Phượng